

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/ ST-DS
Ngày 16 -10 -2019

V/v: Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Đức Việt và bà Lò Thị Le .

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST- DS ngày 30/9/2019 giữa đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967, bà Phạm Thị U, sinh 1967; Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lò Văn H, sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tạm trú tại: Bản Ái 2, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2019 và đơn bổ sung ngày 19/4/2019 và ở những lời khai tiếp sau nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U trình bày và đề nghị:

Ngày 27/10/2012, vợ chồng ông Lò Văn H và vợ Lò Thị T (đã chết) có vay tiền mặt là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đầu tư phân bón sản xuất, hai bên

thống nhất thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng kể từ ngày vay, thời hạn trả vào ngày 27/10/2013, khi đến hạn trả, vợ chồng ông N, bà U đã đến đòi nhiều lần đều được vợ chồng ông H và bà T khất nợ, đến năm 2014 được ông Lò Văn H trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn lại 9.000.000đ (Chín triệu đồng) cho đến nay ông H không trả. Do vậy ông N, bà U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y xem xét buộc ông Lò Văn H phải có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

-Bị đơn ông Lò Văn H trình bày trong biên bản lấy lời khai như sau:

Bản thân không được vay tiền của ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị U mà số tiền hiện còn nợ là do vợ ông là Lò Thị T (hiện đã chết) vay trước đó, cụ thể số tiền vay như thế nào thì ông không được biết, sau khi vợ ông H bị ốm có nói với ông là có vay tiền của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U riêng số tiền gốc đã trả được rồi, hiện còn tiền lãi, trong lúc vợ ông bị ốm nặng có ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U đến đòi tiền lãi ông đã trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng), sau đó bảo ông ký vào giấy tờ còn nợ 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Hiện nay ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U khởi kiện buộc ông phải trả số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) ông H cho là cũng đúng thôi. Tuy nhiên với điều kiện hoàn cảnh của ông H là vợ đã chết, lấy vợ hai hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, không có khả năng trả một lúc với số tiền như trên được, ông xin được trả tổng số tiền nợ trên là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và chia mỗi năm trả khoảng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ 5.000.000đ (Năm triệu đồng), số còn lại ông H xin vợ chồng ông N, bà U không trả nữa.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước Hội đồng xét xử nghị án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc Tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng việc vay tiền giữa hai bên là có

thực, sau khi vay ông Lò Văn H đã trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Tòa án xác định quan hệ pháp luật là kiện đòi lại tài sản là có căn cứ đúng pháp luật.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Lò Văn H phải có trách nhiệm trả số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng), không tính lãi suất vì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn lại chứ không tính lãi suất.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 cần buộc bị đơn ông Lò Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền gốc không yêu cầu tính lãi nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là kiện đòi lại tài sản (Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản) và Tòa án huyện Yên Châu là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa với lý do điều kiện sức khỏe và đường xá xa xôi, nên đã có đơn xin đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 27/10/2013 ông Lò Văn H vay tiền mặt của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U tổng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), việc giao kết hợp đồng vay tài sản (vay tiền) trên là có thực tế vì chứng cứ mà ông N đã xuất trình tại Tòa án là giấy vay tiền do ông H ký đã chứng minh điều đó. Hơn nữa tại biên bản ghi lời khai cũng như ý kiến trình bày của ông Lò Văn H tại phiên hòa giải cũng thể hiện điều đó, ông H cho rằng ông có được ký vào giấy biên nhận vay tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), sau đó ông H có trả cho ông N 1.000.000đ (Một triệu đồng), hiện còn nợ ông N 9.000.000đ (Chín triệu đồng), do hoàn cảnh vợ

chết, ông Hành đi thêm bước nữa điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên ông H mới trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng), hiện còn nợ 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Nay ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U khởi kiện buộc ông Lò Văn Hành trả số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U đòi bị đơn ông Lò Văn H phải trả số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng), theo Giấy vay tiền ngày 27 tháng 10 năm 2012 là phù hợp với quy định của pháp luật vì các bên đều thừa nhận có việc giao tiền, có việc vay nợ trên là có thực tế. Ông Lò Văn H cũng thừa nhận ông là người ký vào giấy vay tiền ngày 27 tháng 10 năm 2012, ông H xác nhận tính đến ngày 27/10/2012 còn nợ ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) đến nay ông chưa trả được đồng nào. Việc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị U khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền gốc 9.000.000đ (Chín triệu đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 9.000.000 đồng. Về lãi xuất nguyên đơn không yêu cầu ông Lò Văn Hành phải trả lãi xuất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cần xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc với số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) của Nguyên đơn Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U. Buộc bị đơn ông Lò Văn H phải có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà phạm Thị U toàn bộ số tiền nợ gốc là: 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

[4] Về án phí: Ông Lò Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 163, Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 169 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U. Buộc bị đơn ông Lò Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nghiêu, bà Phạm Thị Uyên toàn bộ số tiền nợ gốc: 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

“ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Ông Lò Văn H phải chịu 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị U được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002533 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Y.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16 tháng 10 năm 2019 các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. ông Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh;
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Văn Bình